

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 09-7-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huy;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Long;
2. Bà Đinh Thị Phương Lan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Công Bình là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy-Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2020, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Điệp Thị B, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Anh Bùi Duy K, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị B, anh K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 06/3/2020 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Diệp Thị B trình bày:*

Chị B và anh K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng tại xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1997, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, chị và anh K đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng không còn nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Quá trình sống chung chị B và anh K có 02 người con chung tên là Bùi Duy H, sinh ngày 08/10/1998, Bùi Minh T, sinh ngày 20/7/2000. Hai con chung đã trên 18 tuổi nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị B trình bày không có.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Bùi Duy K trình bày:*

Về thời gian sống chung, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh K và chị B đúng như chị B đã trình bày ở trên. Nay chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K thì anh đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh K và chị B có 02 người con chung đúng như chị B đã trình bày. Hiện hai cháu Bùi Duy H, sinh ngày 08/10/1998, Bùi Minh T, sinh ngày 20/7/2000 đều đã trên 18 tuổi nên anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh K trình bày không có.

** Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm Phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án: Căn cứ theo quy định tại Điều 28, 35, và 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Thẩm phán thụ lý đúng thẩm quyền, Chánh án ra quyết định phân công Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân đúng quy định; Thẩm phán xác định tư cách người tham gia tố tụng, tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Điệp Thị B và anh Bùi Duy K.

- Về con chung: Hai con chung đều đã trên 18 tuổi chị B, anh K không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung: Chị Điệp Thị B, anh Bùi Duy K không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị Điệp Thị B, anh Bùi Duy K trình bày không có, không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Chị Điệp Thị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là “Ly hôn” đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Bùi Duy K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của chị Điệp Thị B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.3] Nguyên đơn chị Điệp Thị B và bị đơn anh Bùi Duy K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ theo khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét thấy chị Điệp Thị B và anh Bùi Duy K tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1997, nhưng đến nay vẫn chưa đăng ký kết hôn. Ủy

ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi cũng xác nhận chị B và anh K chưa thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Theo khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này*”. Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Điệp Thị B và anh Bùi Duy K không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị B và anh K đều xác nhận có 02 người con chung tên là Bùi Duy H, sinh ngày 08/10/1998, Bùi Minh T, sinh ngày 20/7/2000, hiện các cháu đều đã trên 18 tuổi. Chị B, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị B, anh K không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị B, anh K trình bày không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị Điệp Thị B phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên về tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35, 39, 147, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Điệp Thị B và anh Bùi Duy K.

2. Về án phí: Chị Điệp Thị B phải chịu số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (*Ba trăm ngàn đồng*) chị B đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền

số 011488 ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Ba Tơ;
- Chi cục THADS huyện Ba Tơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Huy